

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày: 20/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Mẫn
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn. Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Chi Lăng. Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số **43/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021**, đối với bị cáo:

Phạm Minh T, sinh năm 1986; Nơi sinh: thành phố C, tỉnh A;

Nơi cư trú: khóm CL, phường CP, thành phố C, tỉnh A.

Nghề nghiệp: Tài xế; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Phạm Minh T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: 02 người; Vợ: Ngô Thị Trúc L, sinh năm 1990; Con: 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 22/8/2021, Phạm Minh T bị bắt quả tang và bị tạm giữ. Đến ngày 25/8/2021 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Khu dân cư CĐ, ấp MC, xã M, huyện C, tỉnh A. Vắng mặt

2/ Chị Ngô Thị Trúc L, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: khóm CL, phường CP, thành phố C, tỉnh A. Vắng mặt

Người làm chứng: Lê Văn Đ, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: ấp T, xã TX, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm tài xế vận chuyển nông sản đến chợ đầu mối tại thành phố C, tỉnh A, Phạm Minh T quen biết với người phụ nữ tên gọi Bà B. Vào khoảng 15 giờ ngày 21/8/2021, Bà B đi đến chợ đầu mối nông sản tại thành phố C, tỉnh A gặp T thuê T vận chuyển 200 cây thuốc lá điều nhập lậu (01 cây có 20 bao thuốc lá), trong đó có 120 cây nhãn hiệu Hero và 80 cây nhãn hiệu Jet từ huyện H, tỉnh Đ về thành phố S, tỉnh ST giao lại cho người khác, khi đến ST người nhận thuốc lá sẽ trả cho T 1.900.000 đồng. Do xe ô tô tải 67C-120.93 có đăng ký tem QR ưu tiên lưu thông trên luồng xanh quốc gia vận tải hàng hóa thiết yếu đến và qua vùng dịch nên có thể đi qua các chốt kiểm dịch nên T đồng ý.

Đến khoảng 17 giờ ngày 21/8/2021, Bà B kêu T xếp 204 bao gạo (mỗi bao trọng lượng 10 kg) lên xe và điều khiển đến Cầu H2, thuộc huyện H, tỉnh Đ để lấy 200 cây thuốc lá. Bà B đã hẹn sẵn với người lấy thuốc lá và nói với T vào lúc 13 giờ ngày 22/8/2021 chỉ cần đến đậu tại cổng khu công nghiệp trong thành phố ST sẽ có người đến lấy thuốc lá.

Phạm Minh T điều khiển xe đến Cầu H2 như đã hẹn, lúc này có hai người thanh niên xếp 20 bịch ny lon màu đen, bên trong mỗi bịch có 10 cây thuốc lá và 62 túi lưới màu xanh bên trong chứa khoai lang lên xe để ngụy trang. Sau khi sắp xếp xong T điều khiển xe đi.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/8/2021, Phạm Minh T điều khiển xe đến trạm kiểm soát phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại km 2080 + 600, Quốc lộ 1, ấp P, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Lực lượng trực trạm qua kiểm tra và phát hiện trên xe ô tô tải biển số kiểm soát 67C-120.93 có 1.200 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero và 800 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T.

Quá trình điều tra, Phạm Minh T còn khai nhận với hành vi tương tự nêu trên vào ngày 18/8/2021, T đã vận chuyển thuê cho bà Ba 970 bao thuốc lá điều nhập lậu

nhãn hiệu Hero từ huyện H, tỉnh Đ giao cho người khác ở công khu công nghiệp ở thành phố S, tỉnh ST và được hưởng số tiền 1.200.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án đang tạm giữ gồm:

- 1.200 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Hero;
- 800 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet;
- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu HUYNDAI, biển số kiểm soát 67C-120.93;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh;
- 20 bịch ny lon màu đen dùng để đựng thuốc lá;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số kiểm soát 67C-120.93;
- 01 giấy phép lái xe hạng A1, C mang tên Phạm Minh T;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Minh T.
- Tiền Việt Nam 169.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành A ra Quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại những đồ vật, tài sản không liên quan đến vụ án như sau:

- Trả lại cho Trần Văn N 01 xe ô tô tải biển số kiểm soát 67C-120.93 và 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Trần Văn N (*Bút lục số: 40*).
- Trả lại cho Ngô Thị Trúc L 169.000.000 đồng.

Ngày 13/9/2021 chị Ngô Thị Trúc L có cung cấp cho Tòa án 01 sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V với số tiền là 100.000.000 đồng và có đơn xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKS-HCTA ngày 07/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đối với bị cáo Phạm Minh T về hành vi Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên Quyết định truy tố, đề nghị áp dụng:

Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T số tiền từ 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng đến 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

Trả lại cho bị cáo:

- 01 giấy phép lái xe hạng A1, C mang tên Phạm Minh T;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Minh T.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh;

- Đối với số tiền 1.200.000 đồng chị Ngô Thị Trúc L đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo do thu lợi bất chính trong lần vận chuyển ngày 18/8/2021 nhưng ngoài lời khai của bị cáo thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc bị cáo T đã thực hiện hành vi như bị cáo đã khai nên đề nghị trả lại số tiền cho chị Ngô Thị Trúc L.

Tịch thu tiêu hủy:

- 1.200 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Hero;
- 800 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet;
- 20 bịch ny lon màu đen dùng để đựng thuốc lá;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Bị cáo Phạm Minh T khai nhận về hành vi của mình như nội dung nêu trên và xin được xem xét được xử phạt bằng hình thức phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Minh T khai nhận hành vi của mình như Quyết định truy tố đã nêu. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khách quan khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/8/2021, Phạm Minh T đã thực hiện hành vi vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, khi đến trạm kiểm soát phòng chống dịch bệnh

Covid-19 tại km 2080 + 600, Quốc lộ 1, ấp P, xã T, huyện CTA, tỉnh H thì bị lực lượng công an kiểm tra bắt quả tang vận chuyển 1.200 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero và 800 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet nên bị cáo đã vi phạm về tội vận chuyển hàng cấm theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế nhà nước về hàng hóa dịch vụ cấm kinh doanh nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ích nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều, Khoản, Điểm; tội danh; mức hình phạt; án phí... là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ích nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã vận động gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính, gia đình bị cáo có cung cấp cho Tòa án 01 sổ tiết kiệm tiền gửi ngân hàng chứng minh khả năng tài chính, ngoài ra bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi 02 con nhỏ và cha, mẹ đã ngoài tuổi lao động nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền theo quy định tại điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: do nghề chính của bị cáo là tài xế thường vận chuyển hàng hóa để tạo ra thu nhập gia đình nên xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- Đối với: 1.200 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Hero; 800 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet; 20 bình ny lon màu đen dùng để đựng thuốc lá là vật chứng trong vụ án xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 giấy phép lái xe hạng A1, C mang tên Phạm Minh T; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Minh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 1.200.000 đồng tuy bị cáo khai nhận do thu nhập bất chính nhưng không có tài liệu, chứng cứ khác (ngoài lời khai của bị cáo) để chứng minh việc có thu lợi bất chính nên cần trả lại.

- Đối với: 01 xe ô tô tải biển số kiểm soát 67C-120.93 và 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Trần Văn N. Quá trình điều tra xác định được khi ông N cho bị cáo thuê xe không biết việc bị cáo sử dụng để vận chuyển hàng cấm nên Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý trả lại cho ông N là có cơ sở.

- Đối với số tiền 169.000.000 đồng được xác định là tài sản của bị cáo mang theo không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý trả lại cho chị Ngô Thị Trúc L (vợ bị cáo) là có cơ sở.

[7] Đối với người phụ nữ tên gọi bà B, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đã tổ chức xác minh nhưng không xác định được nhân thân, địa chỉ của bà B nên không thể xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 191; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo được trả tự do tại phiên tòa.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo: 01 giấy phép lái xe hạng A1, C mang tên Phạm Minh T; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Minh T. 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh.

Trả lại cho chị Ngô Thị Trúc L: Tiền Việt Nam: 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy:

- 1.200 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Hero;
- 800 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet;
- 20 bịch ny lon màu đen dùng để đựng thuốc lá;

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Đội CSTHHS và HTTP Công an huyện Châu Thành A;
- Đội CSĐTTP về TTXH Công an huyện Châu Thành A;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Mẫn